

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2018/DS-PT**
Ngày 10-4-2018
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tổ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2018/TLDS-PT ngày 05 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện L H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ninh T H, sinh năm 1966
Cư trú tại: 51/80, khu chợ T L, thị trấn N B, huyện L H, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Đình V H1, sinh năm 1955, bà Nguyễn T H2, sinh năm 1957.
Cùng cư trú tại: Số 101, thôn 3, xã M L, huyện L H, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Ninh T H, kháng cáo của bị đơn ông Đình V H1, bà Nguyễn T H2.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2016, ngày 25/4/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Ninh T H trình bày:

Ngày 25/9/2010 (âm lịch) vợ chồng ông H1, bà H2 có chốt bán cho bà 4.000kg cà phê nhân khô loại Rôbusta, bà đã giao đủ tiền cho ông H1, bà H2 nhưng do thời gian quá lâu nên bà không nhớ cụ thể số tiền đã giao cho ông H1, bà H2 là bao nhiêu. Sau đó ông H1, bà H2 trả cho bà được 54.000.000đ tương ứng với 01 tấn cà phê nhân khô loại Rôbusta, còn nợ lại 03 tấn cà phê nhân khô loại Rôbusta quy thành tiền là 150.000.000đ đến nay chưa thanh toán cho bà nên bà yêu cầu vợ chồng ông H1, bà H2 phải trả cho bà 03 tấn cà phê nhân khô loại Rôbusta tương ứng với số tiền là 150.000.000đ. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Đinh V H1, bà Nguyễn T H2 trình bày:

Vợ chồng ông bà thừa nhận có chốt bán cho bà H 04 tấn cà phê nhân khô loại Rôbusta với giá là 20.000đ/kg thành tiền là 80.000.000đ. Vợ chồng ông, bà đã nhận đủ số tiền là 80.000.00đ từ bà H. Sau đó ngày 23/12/2010, vợ chồng ông, bà có trả cho bà H được 54.000.000đ tương ứng với 01 tấn cà phê nhân. Còn lại 03 tấn cà phê nhân khô loại Rôbusta thì vợ chồng ông, bà trả bằng tiền mặt, cụ thể: Ngày 26/4/2011(âm lịch) vợ chồng ông, bà trả cho bà H số tiền là 80.000.000đ có ông Trần Đ V, bà Phạm L A đi cùng bà H chứng kiến; ngày 11/5/2011 (âm lịch) vợ chồng ông, bà trả tiếp cho bà H số tiền là 50.000.000đ, lần này cũng có bà Phạm L A và ông Trần Đ V đi cùng bà H chứng kiến. Cả hai lần trả tiền nêu trên ông, bà đều yêu cầu bà H viết giấy biên nhận tiền nhưng bà H cho rằng khi nào trả hết tiền lãi thì mới viết giấy biên nhận. Như vậy vợ chồng ông, bà đã trả cho bà H được số tiền là 184.000.00đ là đã trả dư tiền cho bà H nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà H. Vợ chồng ông, bà không yêu cầu bà H phải trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền dư. Ngoài ra vợ chồng ông, bà không yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L H đã xử :

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ninh T H về việc "*Tranh chấp kiện đòi lại tài sản*" với vợ chồng ông Đinh V H1, bà Nguyễn T H2. Buộc vợ chồng ông Đinh V H1, bà Nguyễn T H2, phải trả cho bà Ninh T H số tiền 70.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 06/02/2018 Nguyên đơn bà H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bị đơn vợ chồng ông H1, bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 150.000.000đ.

Ngày 05/02/2018 vợ chồng bị đơn ông H1, bà H2 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L H.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà H; bị đơn ông H1, bà H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông H1, bà H2. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Theo đơn khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì phía bị đơn vợ chồng ông Đinh V H1, bà Nguyễn T H2 có nợ của vợ chồng nguyên đơn ông Nguyễn V C, bà Ninh T H số tiền 150.000.000đ, đây là tài sản chung của vợ chồng. Ngày 28/10/2015 ông C (chồng bà H chết). Về hàng thừa kế thứ nhất của ông C có bốn người gồm bà H (vợ ông C), các con ruột gồm chị Nguyễn Thị T T, anh Nguyễn H S, anh Nguyễn Đ A1. Quá trình giải quyết vụ án chị T, anh S, anh A1 có đơn từ chối không tham gia tố tụng và đồng ý để bà H tự định đoạt số nợ trên (BL 07). Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông C vào tham gia tố tụng để giải quyết trong cùng vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Vào ngày 25/9/2010 (âm lịch) vợ chồng ông H1, bà H2 có thỏa thuận chốt bán cho bà H 04 tấn cà phê; ngày 23/12/2010 vợ chồng ông H1, bà H2 đã trả 54.000.000đ tương ứng với 1 tấn cà phê nhân + lãi, còn lại 3 tấn cà phê nhân hai bên chốt nợ bằng tiền là 150.000.000đ, thời hạn trả ngày 04/02/2011(âm lịch). Theo nguyên đơn trình bày thì đến hạn trả nợ; vợ chồng ông H1, bà H2 chưa thanh toán còn phía bị đơn cho rằng đã trả hết nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Do thời hiệu khởi kiện của Hợp đồng dân sự vay tài sản đã hết nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà H, kháng cáo của bị đơn ông H1, bà H2; đối chiếu với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện:

Ngày 25/9/2010 (âm lịch) vợ chồng ông H1, bà H2 có chốt bán cho bà H 4.000kg cà phê nhân khô loại Rôbusta, bà H đã giao đủ tiền cho ông H1, bà H2 nhưng chưa nhận cà phê. Ngày 23/12/2010 ông H1, bà H2 có trả cho bà H được 54.000.000đ tương ứng

với 01 tấn cà phê nhân cùng khoản lãi. Còn lại 03 tấn cà phê nhân được quy thành tiền là 150.000.000đ, các bên đã thống nhất viết giấy nhận nợ, hẹn đến ngày 04/02/2011 (âm lịch) sẽ trả hết và được các bên thừa nhận, ông H1 là người viết giấy nhận nợ (Bút lục 30). Theo bị đơn ông H1, bà H2 trình bày thì sau khi viết giấy nợ, vào ngày 26/4/2011 (âm lịch) bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền 80.000.000đ và ngày 11/5/2011 (âm lịch) trả 50.000.000đ, khi trả có ông Trần Đ V, bà Phạm L A làm chứng. Về phía nguyên đơn bà H chỉ thừa nhận có nhận của phía bị đơn ông H1, bà H2 số tiền 80.000.000đ nhưng cho rằng số tiền trên là do bị đơn trả vào khoản tiền 215.000.000đ mà bị đơn vay năm 2009 chứ không phải là khoản nợ của 3000kg cà phê.

Căn cứ vào chứng cứ do chính nguyên đơn cung cấp (Bút lục 38) về giấy nhận nợ ngày 28/4/2011 âm lịch do ông H1 ký có nội dung: *“Trả trước 80.000.000đ (tám chục) còn nợ lại 135.000.000đ, hẹn trả hai đợt - Mùng 6/5 âm lịch, mùng 10/5/2011 âm lịch”*, phía dưới có hai người làm chứng ký nhưng bị xé rách. Xét thấy giấy nhận nợ này không ghi cụ thể trả khoản tiền nào nên chứng cứ do bà H xuất trình để chứng minh ông H1, bà H2 có vay của nguyên đơn số tiền 215.000.000đ vào năm 2009 là không phù hợp. Về số tiền trả 80.000.000đ còn nợ lại 135.000.000đ và hẹn trả làm hai đợt nêu trên là hoàn toàn trùng khớp, phù hợp với lời khai của hai nhân chứng là ông Trần Đ V và bà Phạm L A xác nhận. Hơn nữa, theo lời khai của bà H trong quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm có nhiều mâu thuẫn như khi thì bà H khai số tiền 80.000.000đ là do ông H1, bà H2 mang vào nhà của bà để trả, khi thì khai số tiền 80.000.000đ là do bà cùng với bà L A đến nhà ông H1, bà H2 lấy. Do đó, cần xác định việc ông H1 bà H2 có trả cho bà H 80.000.000đ vào khoản nợ 150.000.000đ mà ông H1 ký vào *“giấy nợ cà phê”* ngày 04/02/2011 là phù hợp với chứng cứ do chính nguyên đơn xuất trình, riêng số tiền ghi còn nợ lại 135.000.000đ là bao gồm cả khoản lãi, phù hợp với lời khai của hai nhân chứng là ông V và bà A.

Đối với số tiền 50.000.000đ ông H1, bà H2 khai đã trả cho bà H vào ngày 11/5/2011 (âm lịch) thì thấy. Theo ông H1 thì tại thời điểm trả số tiền trên thì có ông V và bà L A là người làm chứng. Qua xem xét cho thấy “giấy khất nợ” này do ông V ghi chỉ có chữ ký của ông H1 và ông V (người làm chứng) ký, không có chữ ký và xác nhận của bà H, trong khi đó bà H lại không thừa nhận. Do vậy lời khai và giấy xác nhận của hai nhân chứng ông V và bà A về việc đã trả cho bà H số tiền 50.000.000đ vào ngày 11/5/2011(âm lịch) là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ phân tích trên, cấp sơ thẩm xác định ông H1, bà H2 nợ bà H số tiền 150.000.000đ, đã trả được 80.000.000đ còn lại 70.000.000đ chưa thanh toán nên buộc vợ chồng ông H1, bà H2 phải trả cho bà H số tiền còn nợ là 70.000.000đ là phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà H, kháng cáo của bị đơn ông H1, bà H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

Căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Đinh V H1, bà Nguyễn T H2 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí nhưng Tòa cấp sơ thẩm buộc ông H1, bà H2 phải chịu án phí là không đúng nên sửa bản án về phần án phí dân sự sơ thẩm. Do sửa Bản án dân sự sơ thẩm nên ông Đinh V H1, bà Nguyễn T H2 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Ninh T H; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đinh V H1, bà Nguyễn T H2: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L H về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” giữa nguyên đơn bà Ninh T H, bị đơn ông Đinh V H1, bà Nguyễn T H2. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ninh T H về việc: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” với vợ chồng ông Đinh V H1, bà Nguyễn T H2. Buộc vợ chồng ông Đinh V H1, bà Nguyễn T H2, phải trả cho bà Ninh T H số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc bà Ninh T H phải chịu 4.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm tổng cộng là 4.300.000đ, được trừ vào số tiền 3.750.000đ bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002859 ngày 25/4/2017 và 300.000đ theo biên lai thu số 0000377 ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L H. Nguyên đơn bà H còn phải chịu 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Đinh V H1, bà Nguyễn T H2 số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000381 ngày 12/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. L H;
- CCTHADS H. L H ;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự ;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Đã ký

Nguyễn Hữu Mừng